

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
1	150001	BÙI THANH AN	Nam	16/06/2010	6.4	6.04	6.14	6.53	6.28	4.25	2.50	3.25	0.0	0.0	8.88	
2	150002	NGUYỄN NGỌC GIA AN	Nữ	13/08/2010	6.26	6.2	6.79	6.33	6.4	2.00	1.75	1.75	0.0	0.0	5.77	
3	150003	NGUYỄN THỊ THÚY AN	Nữ	14/08/2010	7.03	6.58	6.33	6.36	6.58	2.75	4.50	3.25	0.0	0.0	9.32	
4	150004	LÂM THỊ KIM ANH	Nữ	14/10/2010	7.71	7.58	7.24	7.14	7.42	5.00	3.00	3.75	0.0	0.0	10.45	
5	150005	LÊ TRỌNG BẢO ANH	Nam	23/02/2010	8.2	6.93	6.86	6.81	7.2	4.75	4.25	3.25	0.0	0.0	10.74	
6	150006	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	07/01/2010	7.3	6.25	6.85	6.6	6.75	4.00	2.75	3.00	0.0	0.0	8.85	
7	150007	NGUYỄN HOÀNG DIỆP ANH	Nữ	02/02/2010	6.76	6.49	7.14	7.01	6.85	6.00	4.50	3.00	0.0	0.0	11.51	
8	150008	NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH	Nữ	03/01/2010	8.25	8.84	9.08	8.56	8.68	5.50	7.00	5.25	0.0	0.0	15.03	
9	150009	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	28/10/2010	7.33	7.3	7.35	7.76	7.44	4.75	3.75	3.00	0.0	0.0	10.28	
10	150010	NGUYỄN TRẦN BẢO ANH	Nữ	21/09/2010	6.8	6.73	6.9	6.55	6.75	3.50	0.50	3.50	0.0	0.0	7.28	Liệt
11	150011	NGUYỄN TRẦN TÂM ANH	Nữ	19/03/2010	7.54	7.39	7.8	8	7.68	3.00	5.50	6.00	0.0	0.0	12.45	
12	150012	PHẠM KIỀU MỸ ANH	Nữ	15/05/2010	7.44	7.99	7.39	7.7	7.63	4.50	6.00	4.50	0.0	0.0	12.79	
13	150013	TRẦN HOÀNG ANH	Nam	18/01/2010	8.11	8.39	7.98	7.95	8.11	5.00	3.50	7.25	0.0	0.0	13.46	
14	150014	TRƯƠNG THỊ QUỲNH ANH	Nữ	28/04/2010	7.03	6.83	6.96	7.2	7.01	5.75	2.75	3.50	0.0	0.0	10.50	
15	150015	VÕ NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	02/11/2010	5.68	5.93	6.11	5.78	5.88	2.00	3.00	4.00	0.0	0.0	8.06	
16	150016	ĐẶNG NGUYỆT ÁNH	Nữ	22/10/2010	8.35	8.15	8.38	8.46	8.34	5.75	7.00	6.00	0.0	0.0	15.63	
17	150017	NGUYỄN MẠCH HỒNG ÂN	Nữ	04/08/2010	7.04	7.34	7.6	7.65	7.41	5.50	5.25	6.25	0.0	0.0	14.12	
18	150018	LÂM THÁI BẢO	Nam	29/05/2010	7.25	7.01	6.94	6.96	7.04	3.50	1.75	4.25	0.0	0.0	8.76	
19	150019	LÊ GIA BẢO	Nam	11/06/2010	6.01	5.44	6.25	5.55	5.81	1.75	3.75	4.50	0.0	0.0	8.74	
20	150020	LÊ HOÀI BẢO	Nam	25/04/2010	7.83	7.21	7.73	7.33	7.53	5.25	3.00	3.50	0.0	0.0	10.48	



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
21	150021	NGUYỄN HOÀI GIA BẢO	Nam	01/04/2010	5.53	5.74	5.38	5.56	5.55	2.25	0.00	3.00	0.0	0.0	5.34	Liệt
22	150022	NGUYỄN HOÀNG THÁI BẢO	Nam	28/11/2010	5.13	5.09	5.68	5.65	5.39	1.75	2.75	3.75	0.0	0.0	7.39	
23	150023	NGUYỄN THIÊN BẢO	Nam	28/03/2010	7.83	8.1	8.38	7.96	8.07	4.50	5.50	4.50	0.0	0.0	12.57	
24	150024	VÕ HOÀNG GIA BẢO	Nam	10/06/2010	5.23	5.33	6.09	5.8	5.61	4.75	2.00	3.00	0.0	0.0	8.51	
25	150025	LÊ KHÁNH BĂNG	Nữ	14/04/2010	7.48	7.9	7.86	7.56	7.7	5.50	4.25	3.00	0.0	0.0	11.24	
26	150026	TRẦN THANH BÌNH	Nam	23/09/2008	7	7.5	6.8	8.06	7.34	5.00	7.50	5.75	0.0	0.0	14.98	
27	150027	TRẦN THỊ DẠ CẨM	Nữ	07/01/2010	8.21	7.81	7.91	8.53	8.12	5.92	4.75	7.00	0.0	0.0	14.81	
28	150028	BÙI THỊ BÍCH CHÂU	Nữ	28/04/2010	8.04	7.56	7.89	7.9	7.85	4.25	4.25	4.75	0.0	0.0	11.63	
29	150029	PHẠM HOÀNG YẾN CHI	Nữ	05/02/2010	7.56	7.86	8.33	8.5	8.06	5.50	6.50	4.50	0.0	0.0	13.97	
30	150030	NGUYỄN NGỌC CHINH	Nam	25/09/2010	6.49	7.79	6.68	6.5	6.87	4.50	3.75	4.50	0.0	0.0	10.99	
31	150031	TRẦN VĂN CHÚC	Nam	28/02/2010	6.91	6.94	7.3	8.24	7.35	4.75	5.25	4.25	0.0	0.0	12.18	
32	150032	TRẦN KIM CƯỜNG	Nữ	20/09/2010	5.54	5.79	6.53	6.05	5.98	2.50	1.75	3.75	0.0	0.0	7.39	
33	150033	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	Nam	07/03/2010	7.46	8.15	7.83	7.04	7.62	5.75	3.00	5.00	0.0	0.0	11.91	
34	150034	NGUY CHÍ CƯỜNG	Nam	23/12/2010	5.78	5.7	6.01	5.93	5.86	3.00	2.75	3.25	0.0	0.0	8.06	
35	150035	NGUYỄN CÔNG DANH	Nam	20/09/2010	5.51	6.56	6.79	6.18	6.26	4.00	2.75	4.00	0.0	0.0	9.40	
36	150036	VÕ THÀNH DANH	Nam	20/01/2010	7.45	7.91	7.65	7.59	7.65	3.50	5.75	7.25	0.0	0.0	13.85	
37	150037	VŨ NGỌC DANH	Nam	04/05/2009	5.58	6.04	6.91	7.08	6.4	3.50	5.25	3.75	0.0	0.0	10.67	
38	150038	PHẠM BÍCH DIỆP	Nữ	07/08/2010	6.09	6.68	6.75	7.01	6.63	6.25	5.00	5.00	1.0	0.0	14.36	
39	150039	TRẦN NGỌC DIỆU	Nữ	06/06/2010	7.24	7.76	7.4	7.15	7.39	7.25	3.50	3.75	0.0	0.0	12.37	
40	150040	ĐÀO VŨ DUY	Nam	25/05/2010	7.05	6.63	6.75	6.71	6.79	4.50	1.25	2.75	0.0	0.0	7.99	
41	150041	ĐOÀN THANH DUY	Nam	09/07/2010	7.63	7.06	6.96	8.08	7.43	3.75	3.00	6.25	0.0	0.0	11.33	
42	150042	TRẦN ANH DUY	Nam	17/12/2010	6.61	6.88	7.16	7.23	6.97	4.00	2.50	5.25	0.0	0.0	10.32	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
43	150043	LÊ NGUYỄN KỶ DUYÊN	Nữ	18/08/2010	6.81	7.16	7.55	7.59	7.28	3.50	3.50	4.75	0.0	0.0	10.41	
44	150044	TRẦN VĂN DŨNG	Nam	13/01/2010	6.5	6.4	6.15	6.89	6.49	4.75	1.25	3.00	0.0	0.0	8.25	
45	150045	LÊ THỊ NGỌC DƯ	Nữ	13/10/2010	8.41	8.96	8.86	8.89	8.78	7.50	6.50	6.25	0.0	0.0	16.81	
46	150046	NGUYỄN THỊ NGỌC DƯ	Nữ	04/04/2010	7.19	7.06	7.54	7.85	7.41	4.50	3.50	3.25	0.0	0.0	10.10	
47	150047	NGUYỄN LÊ THÙY DƯƠNG	Nữ	05/09/2010	8.65	8.56	8.61	8.1	8.48	5.75	5.50	4.00	0.0	0.0	13.22	
48	150048	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	20/08/2010	7.63	8.2	8.29	8.33	8.11	4.50	3.75	6.25	0.0	0.0	12.58	
49	150049	NGUYỄN THỊ THUỖ DƯƠNG	Nữ	23/12/2010	7.24	7	6.41	6.66	6.83	4.00	4.25	3.50	0.0	0.0	10.27	
50	150050	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Nam	04/12/2009	6.78	6.39	5.66	6.46	6.32	3.25	1.00	3.00	0.0	0.0	6.97	
51	150051	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	Nữ	12/08/2010	8.55	8.28	8.35	8.09	8.32	6.25	5.50	4.00	0.0	0.0	13.52	
52	150052	DƯƠNG THÀNH ĐẠT	Nam	26/01/2010	7.29	6.94	6.84	7.14	7.05	3.00	5.50	3.50	1.0	0.0	11.52	
53	150053	ĐẶNG THÀNH ĐẠT	Nam	01/08/2010	6.95	7.06	7.84	7.99	7.46	5.25	6.75	7.50	0.0	0.0	15.89	
54	150054	NGUYỄN ĐĂNG THÀNH ĐẠT	Nam	02/02/2010	8.3	8.25	8.14	8.69	8.35	6.33	7.75	7.75	0.0	0.0	17.79	
55	150055	NGUYỄN QUANG ĐẠT	Nam	31/03/2010	6.26	6.34	6.5	6.34	6.36	4.25	3.50	6.00	0.0	0.0	11.53	
56	150056	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	Nam	19/04/2010	6.58	5.75	6.76	6.91	6.5	3.00	5.00	4.25	0.0	0.0	10.53	
57	150057	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Nam	17/11/2010	5.83	6.94	6.59	7	6.59	5.25	1.25	2.75	0.0	0.0	8.45	
58	150058	TRẦN TẤN ĐẠT	Nam	14/11/2010	6.98	5.58	6.23	6.43	6.31	2.75	3.50	2.00	0.0	0.0	7.67	
59	150059	TRẦN THÀNH ĐẠT	Nam	29/03/2010	7.19	7.03	6.68	6.68	6.9	3.50	2.00	2.75	0.0	0.0	7.85	
60	150060	TRƯƠNG THÀNH ĐẠT	Nam	26/12/2010	5.99	5.71	6.13	7.01	6.21	4.75	5.25	3.75	0.0	0.0	11.49	
61	150061	TRƯƠNG XUÂN ĐẠT	Nam	31/10/2010	6.3	6.16	6.89	6.73	6.52	4.33	4.00	3.75	0.0	0.0	10.41	
62	150062	VÕ TẤN ĐẠT	Nam	13/09/2010	6.3	6.75	7.75	7.3	7.03	4.75	4.00	5.25	0.0	0.0	11.91	
63	150063	LÊ HUỖNH HẢI ĐĂNG	Nam	20/05/2010	8.11	8.39	7.74	8.18	8.11	6.00	6.00	7.25	0.0	0.0	15.91	
64	150064	LÊ MINH ĐĂNG	Nam	17/07/2010	8.75	8.59	9.13	9.2	8.92	6.75	8.25	8.25	1.0	0.0	19.95	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
65	150065	NGUYỄN MINH ĐĂNG	Nam	24/04/2010	7.83	8.14	8.06	8.43	8.12	5.50	6.00	7.00	0.0	0.0	15.39	
66	150066	PHAN NGUYỄN HỒNG ĐĂNG	Nam	11/01/2010	8.55	8.05	7.91	7.89	8.1	7.50	4.75	4.50	0.0	0.0	14.16	
67	150067	DƯƠNG THANH ĐÌNH	Nữ	10/03/2010	8.63	9.2	8.88	8.98	8.92	7.00	7.50	6.00	0.0	0.5	17.53	
68	150068	NGUYỄN THỊ TÂM ĐOAN	Nữ	05/08/2010	7.3	7.7	6.66	6.84	7.13	6.00	1.75	3.25	0.0	0.0	9.84	
69	150069	VŨ ANH ĐỨC	Nam	27/01/2010	6.51	6.19	7.05	6	6.44	4.00	3.25	4.00	0.0	0.0	9.81	
70	150070	TÔ VĨ EM	Nam	19/03/2010	6.25	6.6	6.19	6.89	6.48	5.75	1.25	5.00	0.0	0.0	10.34	
71	150071	HUỖNH THỊ HỒNG GẮM	Nữ	17/04/2010	7.35	7.96	7.25	7.45	7.5	5.75	5.00	2.50	0.0	0.0	11.53	
72	150072	NGUYỄN THỊ HỒNG GẮM	Nữ	23/03/2010	6.26	7.06	7.51	6.91	6.94	3.75	1.75	4.50	0.0	0.0	9.08	
73	150073	ĐỖ NGUYỄN HOÀI GIANG	Nữ	11/12/2010	8.41	8.28	8.55	8.73	8.49	6.75	6.75	5.00	0.0	0.0	15.50	
74	150074	ĐẶNG THỊ GIÀU	Nữ	17/02/2010	7.61	7.29	7.28	7.35	7.38	4.75	3.50	3.75	0.0	0.0	10.61	
75	150075	NGUYỄN PHẠM NGỌC GIÀU	Nữ	02/08/2010	5.75	6.1	7.1	6.3	6.31	2.00	4.25	3.00	0.0	0.0	8.37	
76	150076	NGUYỄN THANH GIÀU	Nam	11/07/2010	6.29	6.83	7.3	6.44	6.72	2.75	4.00	4.25	0.0	0.0	9.72	
77	150077	NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU	Nữ	04/04/2010	7.08	7.31	7.65	7.51	7.39	4.25	1.50	2.50	0.0	0.0	7.99	
78	150078	CAO THỊ THU HÀ	Nữ	20/01/2010	7.31	7.51	7.04	7.08	7.24	5.75	2.50	3.50	0.0	0.0	10.40	
79	150079	NGUYỄN TRẦN KHÁNH HÀ	Nữ	18/01/2010	6	6.75	5.76	6.49	6.25	4.25	3.00	4.25	0.0	0.0	9.93	
80	150080	VÕ HOÀNG HÀ	Nam	17/12/2010	6.2	6.46	6.71	6.95	6.58	6.75	2.25	4.25	0.0	0.0	11.25	
81	150081	LAN TRIẾT HẢO	Nam	05/08/2010	6.51	6.56	6.85	6.33	6.56	4.00	4.00	2.75	1.0	0.0	10.49	
82	150082	NGUYỄN NHẬT HẢO	Nam	18/01/2010	7.63	6.28	5.83	6.05	6.45	3.50	2.00	4.00	0.0	0.0	8.59	
83	150083	NGUYỄN NHẬT HẢO	Nam	21/12/2010	6.4	5.95	5.84	6.28	6.12	2.75	2.50	2.50	0.0	0.0	7.26	
84	150084	TRẦN THỰC HẢO	Nữ	03/10/2009	7.96	8.01	8.69	8.06	8.18	5.25	4.00	4.50	0.0	0.0	12.08	
85	150085	NGUYỄN NGỌC MỸ HẠNH	Nữ	28/06/2010	7.54	7.99	8.11	8.61	8.06	5.00	5.50	2.50	0.0	0.0	11.52	
86	150086	LÊ NGUYỄN GIA HẠO	Nam	05/01/2010	6.8	6.78	6.96	6.99	6.88	2.25	6.50	3.75	0.0	0.0	10.81	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
87	150087	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	09/05/2010	7.96	7.4	8.1	8.36	7.96	7.00	6.00	7.50	0.0	0.0	16.74	
88	150088	PHAN DIỆU HÂN	Nữ	27/08/2010	7.95	6.81	6.63	6.41	6.95	5.00	3.00	3.25	0.0	0.0	9.96	
89	150089	PHẠM NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	08/07/2010	6.23	6.28	6.65	6.79	6.49	3.00	5.75	4.25	0.0	0.0	11.05	
90	150090	TRẦN GIA HÂN	Nữ	18/01/2010	7.53	7.74	7.69	7.8	7.69	6.25	4.75	3.75	0.0	0.0	12.63	
91	150091	VÕ NGỌC HÂN	Nữ	09/11/2010	6.74	7.03	7.05	6.79	6.9	5.75	1.00	4.50	0.0	0.0	9.95	
92	150092	VÕ NGỌC HÂN	Nữ	10/03/2010	6.88	7.16	7.86	7.44	7.34	3.25	6.25	3.00	0.0	0.0	10.95	
93	150093	VÕ NGỌC BẢO HÂN	Nữ	22/10/2010	9.08	8.2	8.53	8.51	8.58	8.50	6.00	7.75	0.0	0.0	18.15	
94	150094	LÊ HỮU HẬU	Nam	09/05/2010	7.39	6.83	7.81	8.16	7.55	5.50	5.25	4.50	0.0	0.0	12.94	
95	150095	LÝ NGUYỄN DIỆU HIỀN	Nữ	16/05/2010	8.06	7.8	8.14	8.16	8.04	4.75	5.00	4.00	0.0	0.0	12.04	
96	150096	PHAN THỊ THU HIỀN	Nữ	30/08/2010	7.61	7.48	8.04	8.39	7.88	2.75	4.50	7.00	0.0	0.0	12.34	
97	150097	TRẦN THỊ THANH HIỀN	Nữ	31/01/2010	8.21	8.25	8.61	8.41	8.37	5.25	5.50	4.50	0.0	0.0	13.19	
98	150098	NGUYỄN ĐÀO HOÀNG KIM HIẾU	Nữ	15/10/2010	8.98	8.65	8.99	9	8.91	7.75	6.50	8.00	0.0	0.0	18.25	
99	150099	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	Nam	22/07/2010	5.84	6.83	6.7	6.25	6.41	3.75	3.25	2.25	0.0	0.0	8.40	
100	150100	PHAN THỊ KIM HIẾU	Nữ	02/11/2010	7.13	7.4	6.84	7.59	7.24	5.00	5.00	3.75	0.0	0.0	11.80	
101	150101	QUÁCH TRỌNG HIẾU	Nam	07/01/2010	8.8	9.01	8.88	8.84	8.88	7.25	9.00	8.25	0.0	0.0	19.81	
102	150102	VŨ TRẦN HIẾU	Nam	18/04/2010	7.89	8.34	8.28	8.41	8.23	5.75	5.25	5.00	0.0	0.0	13.67	
103	150103	NGUYỄN THỊ KIM HOA	Nữ	22/09/2009	8.6	8.3	8.45	8.21	8.39	6.50	5.25	8.00	0.0	0.0	16.34	
104	150104	TRƯƠNG THỊ MỸ HOA	Nữ	14/06/2010	5.99	6.25	6.19	6.04	6.12	2.50	0.25	3.25	0.0	0.0	6.04	Liệt
105	150105	NGUYỄN ĐỨC HÒA	Nam	15/05/2010	7.25	7.3	7.78	7.75	7.52	6.50	5.75	7.00	0.0	0.0	15.73	
106	150106	TRẦN THỊ KIM HỒNG	Nữ	07/01/2010	7.33	7.18	7.58	7.56	7.41	4.50	4.00	4.25	0.0	0.0	11.15	
107	150107	ĐỖ THỊ HỒNG HUỆ	Nữ	29/01/2010	7.06	6.58	5.9	6.89	6.61	4.75	2.75	4.50	0.0	0.0	10.38	
108	150108	NGUYỄN GIA HUY	Nam	10/12/2010	5.85	5.66	5.66	5.68	5.71	1.00	2.25	2.00	0.0	0.0	5.39	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
109	150109	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	31/01/2010	7.23	7.45	6.34	6.93	6.99	5.00	4.00	2.75	0.0	0.0	10.32	
110	150110	NGUYỄN TRINH HUY	Nam	18/12/2010	7.26	7.09	7.65	7.53	7.38	2.00	4.50	6.50	0.0	0.0	11.31	
111	150111	TRẦN QUỐC HUY	Nam	20/10/2010	6.34	6.36	6.76	6.8	6.57	4.25	2.00	3.00	0.0	0.0	8.45	
112	150112	VÕ QUAN HUY	Nam	26/07/2010	6.98	6.85	6.61	6.53	6.74	1.50	3.25	4.00	0.0	0.0	8.15	
113	150113	VÕ TRẦN QUANG HUY	Nam	12/07/2010	8.43	7.8	7.21	7.23	7.67	5.50	4.00	4.25	0.0	0.0	11.93	
114	150114	VŨ HOÀNG HUY	Nam	10/03/2010	8.04	6.56	6.66	6.56	6.96	5.00	4.50	6.25	0.0	0.0	13.11	
115	150115	ĐẶNG NGUYỄN PHI HÙNG	Nam	12/01/2010	7.36	6.46	6.76	6.69	6.82	6.00	4.00	5.00	0.0	0.0	12.55	
116	150116	NGUYỄN PHÚ HÙNG	Nữ	22/08/2010	6.8	6.63	7.23	7.54	7.05	4.75	3.75	4.25	0.0	0.0	11.04	
117	150117	NGUYỄN NGỌC LAN HƯƠNG	Nữ	14/04/2010	8.14	7.79	7.46	7.28	7.67	6.25	1.75	5.50	0.0	0.0	11.75	
118	150118	ĐOÀN THU HƯỜNG	Nữ	18/09/2010	6.14	6.26	6.15	6.71	6.32	3.00	3.50	3.75	0.0	0.0	9.07	
119	150119	NGUYỄN HOÀNG KHA	Nam	27/02/2010	5.4	6.54	6.13	6.64	6.18	3.75	4.25	3.75	0.0	0.0	10.08	
120	150120	ĐẶNG HOÀNG BẢO KHANG	Nam	10/02/2010	6.93	7.68	7.98	7.86	7.61	5.75	6.00	5.75	0.0	0.0	14.53	
121	150121	ĐINH CHÂU TUẤN KHANG	Nam	06/08/2010	7.39	7.24	7.29	7.29	7.3	7.00	7.75	7.75	0.0	0.0	17.94	
122	150122	LÊ NGUYỄN AN KHANG	Nam	09/02/2010	7.2	7.24	6.81	7.04	7.07	4.50	6.00	5.00	0.0	0.0	12.97	
123	150123	LÊ NGUYỄN HOÀNG KHANG	Nam	17/06/2010	8.24	8.83	8.91	8.95	8.73	6.50	7.00	9.25	0.0	0.0	18.54	
124	150124	NGUYỄN ĐĂNG KHANG	Nam	07/12/2010	7.09	7.44	7.21	7.03	7.19	5.25	3.50	8.25	0.0	0.0	14.06	
125	150125	NGUYỄN PHƯƠNG KHANG	Nam	08/09/2010	8.58	8.58	8.7	8.65	8.63	4.25	6.25	4.50	0.0	0.0	13.09	
126	150126	NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	02/10/2010	6.95	7.35	7.88	8.31	7.62	5.75	5.75	3.50	0.0	0.0	12.79	
127	150127	NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	10/01/2010	6.7	7.26	7.45	7.68	7.27	4.75	5.50	4.00	0.0	0.0	12.16	
128	150128	NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	10/11/2010	5.81	5.68	6.34	6.18	6	2.25	1.50	2.50	0.0	0.0	6.18	
129	150129	PHAN TRIỆU KHANG	Nam	03/09/2010	7.55	8.46	8.39	8.04	8.11	6.00	6.50	5.50	0.0	0.0	15.03	
130	150130	PHẠM TUẤN KHANG	Nam	25/09/2010	6.09	6.68	6.49	6.8	6.52	3.75	3.75	4.25	0.0	0.0	10.18	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
131	150131	VŨ HOÀNG KHANG	Nam	25/08/2010	6.48	7.15	6.38	7.25	6.82	7.25	5.00	4.50	0.0	0.0	13.77	
132	150132	HOÀNG BẢO KHANH	Nữ	16/03/2010	7.18	6.84	5.73	6.08	6.46	4.50	3.50	2.50	0.0	0.0	9.29	
133	150133	NGUYỄN MINH KHANH	Nam	04/02/2010	5.98	6.73	6.81	6.73	6.56	4.50	5.50	2.75	0.0	0.0	10.89	
134	150134	NGUYỄN TUẤN KHANH	Nam	27/06/2010	8.81	9.28	9.08	9.09	9.07	5.25	6.75	7.75	0.0	0.0	16.55	
135	150135	ĐỖ QUỐC KHÁNH	Nam	02/09/2010	7.25	6.89	7.76	8.21	7.53	6.00	5.50	7.50	0.0	0.0	15.56	
136	150136	LÊ QUỐC KHÁNH	Nam	02/09/2010	5.48	6.08	6.26	6.4	6.06	2.75	3.50	2.75	0.0	0.0	8.12	
137	150137	NGUYỄN QUANG KHÁNH	Nam	20/04/2010	7.35	7.01	7.33	7.01	7.18	4.75	3.50	3.25	0.0	0.0	10.20	
138	150138	ĐỖ NGUYỄN MINH KHẢI	Nam	28/05/2009	7.7	7.55	5.74	6.86	6.96	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.09	Liệt
139	150139	NGUYỄN THANH KHIẾT	Nam	09/02/2010	5.75	6.03	6.2	6.03	6	2.50	2.50	5.25	0.0	0.0	8.98	
140	150140	LÊ ANH KHOA	Nam	18/01/2010	7.24	7.31	6.71	7.28	7.14	6.00	1.50	3.50	0.0	0.0	9.84	
141	150141	NGUYỄN TRẦN ANH KHOA	Nam	05/05/2010	5.99	6.04	6.74	6.69	6.37	2.50	3.00	3.75	0.0	0.0	8.39	
142	150142	TRƯƠNG ĐĂNG KHOA	Nam	11/11/2010	7.21	7.45	7.68	8.03	7.59	4.25	6.00	7.00	1.0	0.0	15.35	
143	150143	VÕ MINH KHOA	Nam	15/04/2010	8.41	8.68	8.41	7.91	8.35	5.25	4.00	7.50	0.0	0.0	14.23	
144	150144	NGUYỄN VĂN KHÔI	Nam	04/10/2010	6.21	6.15	6.34	6.75	6.36	2.50	4.50	4.00	0.0	0.0	9.61	
145	150145	TRƯƠNG ĐĂNG KHÔI	Nam	27/04/2010	7.14	7.04	7.5	7.16	7.21	5.50	2.00	4.50	0.0	0.0	10.56	
146	150146	LÊ MỸ BẢO KHUYÊN	Nữ	06/06/2010	6.66	6.81	7.2	6.63	6.83	3.75	3.50	3.25	0.0	0.0	9.40	
147	150147	LÝ TRUNG KIÊN	Nam	31/08/2010	6.25	6.99	7.16	7.56	6.99	5.75	5.75	5.00	0.0	0.0	13.65	
148	150148	ĐỖ ANH KIẾT	Nam	05/10/2010	7.33	6.64	6.51	6.68	6.79	4.25	2.50	3.25	0.0	0.0	9.04	
149	150149	NGUYỄN TUẤN KIẾT	Nam	21/03/2010	5.59	6.28	5.81	5.95	5.91	2.75	2.50	2.75	0.0	0.0	7.37	
150	150150	NGUYỄN HOÀNG KIM	Nữ	19/07/2010	6.6	7.18	7.83	6.8	7.1	6.25	1.75	2.75	0.0	0.0	9.66	
151	150151	NGUYỄN NGỌC KIM	Nữ	22/12/2010	7.74	7.8	7.51	7.98	7.76	5.00	6.25	4.00	0.0	0.0	13.00	
152	150152	NGUYỄN NGỌC KIM	Nữ	24/02/2010	6.59	6.39	7.35	7.84	7.04	4.00	3.75	4.25	0.0	0.0	10.51	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
153	150153	TRẦN THỊ THIÊN KIM	Nữ	04/07/2010	6.45	7.31	7.54	7.05	7.09	4.50	3.50	2.75	0.0	0.0	9.65	
154	150154	TRẦN THUYỀN KIM	Nữ	31/03/2010	7.4	7.54	7.23	7.4	7.39	4.75	2.75	3.50	0.0	0.0	9.92	
155	150155	CAO NHÃ KỶ	Nữ	11/10/2010	7.28	7.15	7.18	7.13	7.19	4.00	6.25	3.00	0.0	0.0	11.43	
156	150156	PHẠM ĐỨC KỶ	Nam	04/02/2010	8.01	8.16	7.86	8.24	8.07	6.25	5.25	7.75	0.0	0.0	15.90	
157	150157	NGUYỄN HUỶNH TRÚC LAM	Nữ	16/11/2010	7.63	8.4	7.94	7.91	7.97	7.75	4.75	3.75	0.0	0.0	13.77	
158	150158	NGUYỄN THỊ TRÚC LAM	Nữ	28/11/2010	9.53	9.4	9.29	9.5	9.43	8.00	9.00	7.75	0.0	0.0	20.15	
159	150159	PHAN CAO PHƯƠNG LAM	Nữ	12/01/2010	7.05	6.93	6.85	6.33	6.79	3.00	3.50	3.00	0.0	0.0	8.69	
160	150160	MAI TRÚC LINH	Nữ	11/10/2010	7.51	7.11	6.86	7.13	7.15	5.50	4.00	3.75	0.0	0.0	11.42	
161	150161	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	25/09/2009	7.5	7.1	7.61	7.59	7.45	5.00	3.50	3.25	0.0	0.0	10.46	
162	150162	TRẦN THỊ THÙY LINH	Nữ	22/03/2010	6.21	6.25	5.93	6.14	6.13	5.25	4.25	3.25	0.0	0.0	10.76	
163	150163	DƯƠNG NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	06/04/2010	7.98	9	9.25	8.65	8.72	5.00	7.50	9.50	0.0	0.0	18.02	
164	150164	NGÔ MINH LONG	Nam	20/07/2010	8	7.23	7.64	7.99	7.72	5.25	7.50	6.75	0.0	0.0	15.97	
165	150165	NGUYỄN VĂN LONG	Nam	26/08/2010	5.98	6.24	7.16	6.48	6.47	4.50	3.50	6.25	0.0	0.0	11.92	
166	150166	TRẦN HOÀNG THIÊN LONG	Nam	25/05/2010	8.1	7.24	6.91	6.28	7.13	4.25	3.00	4.50	0.0	0.0	10.36	
167	150167	TRƯƠNG TRẦN NHẬT LONG	Nam	13/12/2010	5.05	5.69	6.28	6.24	5.82	5.00	1.75	3.75	0.0	0.0	9.10	
168	150168	VÕ THÀNH LONG	Nam	06/07/2010	7.54	7.11	6.99	6.45	7.02	3.75	3.50	4.25	0.0	0.0	10.16	
169	150169	LÊ TÂN LỘC	Nam	29/08/2010	6.01	6.78	6.64	6.48	6.48	3.25	1.50	2.75	0.0	0.0	7.19	
170	150170	NGUYỄN HOÀNG LỘC	Nam	28/08/2010	7.83	7.94	7.81	7.85	7.86	4.25	4.50	2.75	0.0	0.0	10.41	
171	150171	NGUYỄN TÂN LỘC	Nam	25/12/2010	6.38	6.26	5.51	6.06	6.05	2.75	1.25	3.75	0.0	0.0	7.24	
172	150172	TRƯƠNG NGUYỄN PHÚC LỘC	Nam	16/12/2010	5.65	5.15	5.35	5.79	5.49	2.25	3.75	3.75	0.0	0.0	8.47	
173	150173	NGUYỄN HỮU LUÂN	Nam	04/09/2010	6.59	6.84	6.29	6.05	6.44	2.00	4.00	2.25	0.0	0.0	7.71	
174	150174	NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	06/11/2010	6.1	6.5	7.11	7.48	6.8	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.04	Liệt

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
175	150175	LÊ NGỌC TRÚC MAI	Nữ	16/12/2010	6.13	6.15	7.41	7.03	6.68	3.50	3.00	3.25	0.0	0.0	8.83	
176	150176	NGUYỄN NGỌC QUỲNH MAI	Nữ	17/10/2010	7.15	6.91	6.95	6.86	6.97	4.75	2.50	3.00	0.0	0.0	9.27	
177	150177	TRẦN THỊ XUÂN MAI	Nữ	16/02/2010	8.63	8.75	8.39	8.39	8.54	5.25	5.75	5.25	0.0	0.0	13.94	
178	150178	BÙI THỊ TRÀ MI	Nữ	25/08/2010	9.04	9.05	8.86	9.01	8.99	7.75	8.25	8.25	0.0	0.0	19.67	
179	150179	NGUYỄN NGỌC TRÀ MI	Nữ	12/02/2010	7.94	6.6	7.33	7.44	7.33	6.00	6.00	4.50	0.0	0.0	13.75	
180	150180	NGUYỄN THỊ TRÀ MI	Nữ	01/05/2010	6.73	7.38	7.23	7.44	7.2	6.00	4.50	5.25	0.0	0.0	13.19	
181	150181	NGUYỄN TRÀ MI	Nữ	08/07/2010	7.74	7.06	8.05	6.9	7.44	4.00	2.00	5.25	0.0	0.0	10.11	
182	150182	HỒ BẢO MINH	Nam	10/02/2010	9.05	9.31	9.34	8.91	9.15	7.00	8.00	7.50	0.0	0.0	18.50	
183	150183	HỮU NGỌC ĐỨC MINH	Nam	11/03/2009	8.25	8.18	8.4	7.88	8.18	5.00	4.25	5.75	0.0	0.0	12.95	
184	150184	LÊ CÔNG MINH	Nam	03/09/2010	5.96	5.88	6.1	6.6	6.14	4.00	2.50	2.50	0.0	0.0	8.14	
185	150185	NGUYỄN THỊ TUYẾT MINH	Nữ	17/08/2010	7.91	8.45	8.56	8.34	8.32	7.25	7.75	6.75	0.0	0.0	17.72	
186	150186	TRẦN GIA MINH	Nam	30/01/2010	6.09	7.65	7.78	8.2	7.43	6.50	6.00	4.25	0.0	0.0	13.95	
187	150187	TRẦN QUANG MINH	Nam	15/09/2010	8.74	8.38	8.73	8.73	8.65	5.50	4.50	6.50	0.0	0.0	14.15	
188	150188	CAO TRẦN THANH MY	Nữ	12/12/2010	7.3	8.33	8.2	7.63	7.87	6.00	7.00	5.50	0.0	0.0	15.31	
189	150189	HUỲNH LÊ ĐIỂM MY	Nữ	06/08/2010	8.53	7.93	8.14	8.44	8.26	6.75	5.00	7.50	0.0	0.0	15.95	
190	150190	NGUYỄN HOA THẢO MY	Nữ	21/07/2010	6.9	6.99	7.18	7.04	7.03	5.25	5.00	5.25	0.0	0.0	12.96	
191	150191	NGUYỄN HUỲNH ĐIỂM MY	Nữ	08/02/2009	7.53	7.53	7.68	8.18	7.73	3.25	2.50	5.25	0.0	0.0	10.02	
192	150192	NGUYỄN NGỌC ĐIỂM MY	Nữ	07/04/2010	6.81	6.99	6.66	6.53	6.75	4.50	1.00	3.25	0.0	0.0	8.15	
193	150193	NGUYỄN NGỌC THẢO MY	Nữ	25/09/2010	8.2	8.83	8.73	8.7	8.62	4.50	6.25	5.50	0.0	0.0	13.96	
194	150194	PHAN THỊ THẢO MY	Nữ	09/05/2010	7.35	7.09	6.86	7.08	7.1	5.25	3.00	5.25	0.0	0.0	11.58	
195	150195	TRẦN THẢO MY	Nữ	23/12/2010	6.13	6.21	6.71	6.49	6.39	3.25	4.50	3.75	0.0	0.0	9.97	
196	150196	VÔ THỊ TRÀ MY	Nữ	06/11/2010	7.58	7.15	7.33	7.2	7.32	5.00	3.00	3.75	0.0	0.0	10.42	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
197	150197	NGUYỄN HỒNG KIM MỸ	Nữ	14/11/2010	7.83	8	8.11	8.35	8.07	5.00	6.00	7.25	0.0	0.0	15.20	
198	150198	HUỖNH BẢO NAM	Nam	01/07/2010	5.61	5.59	6.06	6.73	6	4.25	4.25	3.75	0.0	0.0	10.38	
199	150199	KHUẤT NGÔ HOÀNG NAM	Nam	06/08/2010	6.78	5.69	6.39	7.75	6.65	6.00	5.75	4.75	0.0	0.0	13.55	
200	150200	LÝ HẠO NAM	Nam	04/07/2010	5.45	5.8	7.06	6.53	6.21	3.00	1.50	3.25	0.0	0.0	7.29	
201	150201	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	17/02/2010	8.06	8.73	8.23	7.65	8.17	5.00	3.75	5.75	0.0	0.0	12.60	
202	150202	DƯƠNG THU NGÀ	Nữ	02/01/2010	9.04	9.13	9.26	9.06	9.12	6.25	6.25	8.00	0.0	0.0	17.09	
203	150203	BÙI KIM NGÂN	Nữ	13/07/2010	8.59	9.15	9.1	8.89	8.93	5.00	8.25	6.25	0.0	0.0	16.33	
204	150204	HUỖNH NGỌC KIM NGÂN	Nữ	25/11/2010	6.3	5.96	6.04	6.85	6.29	5.00	4.50	4.50	1.0	0.0	12.69	
205	150205	HUỖNH THỊ THU NGÂN	Nữ	11/09/2010	7.05	6.84	6.48	6.99	6.84	6.50	5.75	3.75	0.0	0.0	13.25	
206	150206	LÊ THỊ KIM NGÂN	Nữ	03/04/2010	8.8	8.75	8.58	8.96	8.77	4.50	5.50	5.75	0.0	0.0	13.66	
207	150207	NGUYỄN NGỌC KIM NGÂN	Nữ	26/08/2010	6.38	6.29	6.84	6.74	6.56	3.25	3.50	3.75	0.0	0.0	9.32	
208	150208	NGUYỄN PHAN TRIỀU NGÂN	Nam	15/11/2010	6.5	6.3	6.21	5.58	6.15	3.25	4.00	3.00	0.0	0.0	9.02	
209	150209	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	06/05/2010	6.54	7.09	6.53	6.93	6.77	4.75	4.75	2.75	0.0	0.0	10.61	
210	150210	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	Nữ	24/07/2010	7.91	9.03	8.51	9.09	8.64	5.00	6.50	7.00	0.0	0.0	15.54	
211	150211	PHAN KIM NGÂN	Nữ	28/03/2010	6.89	6.7	7.1	7.4	7.02	4.00	2.00	3.00	0.0	0.0	8.41	
212	150212	TRẦN THỊ KIM NGÂN	Nữ	29/04/2010	6.03	6.71	6.35	6.36	6.36	3.75	2.25	4.25	0.0	0.0	9.08	
213	150213	TRẦN THỊ THUY NGÂN	Nữ	14/11/2008	7.09	7.36	7.25	7.06	7.19	4.00	6.00	3.50	0.0	0.0	11.61	
214	150214	TRÌNH KIM NGÂN	Nữ	18/12/2010	7.09	7.53	7.24	6.45	7.08	2.75	2.50	3.75	0.0	0.0	8.42	
215	150215	TRẦN THU NGÂN	Nữ	30/10/2010	6.56	5.84	6.09	6.33	6.21	6.75	4.00	3.25	0.0	0.0	11.66	
216	150216	LÊ TRẦN CHIỀU NGHI	Nữ	07/04/2010	8.34	8.81	8.55	8.3	8.5	6.50	6.00	6.00	0.0	0.0	15.50	
217	150217	NGUYỄN TRẦN GIA NGHI	Nữ	25/08/2010	8.76	8.7	8.36	8.33	8.54	8.75	5.75	7.25	0.0	0.0	17.79	
218	150218	NGUYỄN XUÂN NGHI	Nữ	29/07/2010	5.91	6.55	7.08	6.36	6.48	3.25	0.50	3.00	0.0	0.0	6.67	Liệt

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
219	150219	ĐÌNH DƯƠNG NGHĨA	Nam	11/05/2010	6.31	6.04	6.39	6.66	6.35	4.00	5.50	4.00	0.0	0.0	11.36	
220	150220	ĐẶNG THỊ MINH NGỌC	Nữ	06/10/2010	8.81	7.96	8.29	8.18	8.31	5.00	4.75	6.75	0.0	0.0	14.04	
221	150221	ĐẶNG VÕ KHÁNH NGỌC	Nữ	25/01/2010	8.8	9.35	9.26	9.16	9.14	7.50	7.25	5.75	0.0	1.0	18.09	
222	150222	HUỲNH BẢO NGỌC	Nữ	13/02/2010	7.85	8.44	8.4	8.23	8.23	4.75	5.50	5.00	0.0	0.0	13.14	
223	150223	LÊ KHÁNH NGỌC	Nữ	10/01/2010	6.95	7.7	7.9	7.91	7.62	4.75	5.50	5.50	0.0	0.0	13.31	
224	150224	LÊ THỊ BẢO NGỌC	Nữ	21/04/2010	6.05	6.43	6.89	5.9	6.32	1.50	0.50	3.25	0.0	0.0	5.57	Liệt
225	150225	NGUYỄN HUỲNH BẢO NGỌC	Nữ	21/03/2010	8.81	8.31	8.09	8.98	8.55	7.00	5.00	6.25	0.0	0.0	15.34	
226	150226	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGỌC	Nữ	18/02/2010	7.38	6.8	6.66	6.95	6.95	3.25	2.50	4.75	0.0	0.0	9.44	
227	150227	NGUYỄN TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	30/09/2010	8.84	8.48	8.81	8.9	8.76	7.75	6.25	6.00	0.0	0.0	16.63	
228	150228	PHAN HỒNG NGỌC	Nữ	16/12/2010	7.26	6.71	7.06	7.24	7.07	3.75	2.25	6.75	0.0	0.0	11.05	
229	150229	TRƯƠNG GIA BẢO NGỌC	Nữ	26/03/2010	8.69	8.41	8.6	8.33	8.51	7.25	5.75	5.25	0.0	0.0	15.33	
230	150230	LÊ THẢO NGUYỄN	Nữ	10/11/2010	8.31	7.49	6.7	6.83	7.33	4.25	4.00	4.25	0.0	0.0	10.95	
231	150231	TRẦN PHÚC NGUYỄN	Nam	29/01/2010	8.78	8.74	8.11	7.75	8.35	7.00	5.25	7.00	0.0	0.0	15.98	
232	150232	VÕ TRẦN KIM NGUYỄN	Nữ	16/11/2010	6.19	6.38	5.89	6.23	6.17	2.25	2.75	3.00	0.0	0.0	7.45	
233	150233	LÊ CHÍ NHÂN	Nam	22/02/2010	7.4	7.7	7.98	7.75	7.71	5.25	3.50	1.75	0.0	0.0	9.66	
234	150234	NGUYỄN HIẾU NHÂN	Nữ	03/06/2010	5.78	6.6	7.19	7.55	6.78	4.25	6.25	3.25	0.0	0.0	11.66	
235	150235	NGUYỄN THIỆN NHÂN	Nam	21/12/2010	7.28	7.79	7.78	8.24	7.77	6.00	4.50	6.75	1.0	0.0	15.41	
236	150236	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	Nam	23/02/2010	7	6.85	7.5	7.91	7.32	5.50	3.00	4.00	0.0	0.0	10.95	
237	150237	LÊ BÁ NHẬT	Nam	08/07/2010	6.63	5.53	5.35	4.9	5.6	0.25	1.00	2.50	0.0	0.0	4.31	Liệt
238	150238	NGUYỄN TRẦN MINH NHẬT	Nam	27/10/2010	7.24	6.33	6.51	6.3	6.6	1.00	3.25	4.00	0.0	0.0	7.76	
239	150239	TRẦN MINH NHẬT	Nam	22/06/2010	6.75	6.09	5.71	5.6	6.04	2.00	3.00	2.25	0.0	0.0	6.89	
240	150240	CAO VÕ NGỌC NHI	Nữ	29/11/2010	6.08	7.06	6.59	7.06	6.7	3.75	3.00	3.75	0.0	0.0	9.36	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
241	150241	ĐẶNG THỊ YẾN NHI	Nữ	29/07/2010	5.29	5.85	5.68	7.33	6.04	3.25	5.00	3.00	1.0	0.0	10.69	
242	150242	HUỲNH THỊ YẾN NHI	Nữ	28/12/2010	8.14	8.16	7.91	8.99	8.3	5.75	5.00	5.75	0.0	0.0	14.04	
243	150243	LÊ ĐÌNH YẾN NHI	Nữ	20/06/2010	7.33	7.33	6.38	7.36	7.1	5.25	5.50	4.00	0.0	0.0	12.46	
244	150244	NGUYỄN NGỌC NHI	Nữ	26/12/2010	7.9	8.25	8.08	8.19	8.11	7.25	5.75	6.75	0.0	0.0	16.26	
245	150245	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	Nữ	08/10/2010	6.41	6.63	6.13	7.29	6.62	3.75	4.75	3.50	0.0	0.0	10.39	
246	150246	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	25/09/2010	6.81	7.74	7.34	7.31	7.3	4.50	5.25	5.00	0.0	0.0	12.52	
247	150247	NGUYỄN TUYẾT NHI	Nữ	19/07/2009	5.25	5.24	5.08	5.45	5.26	4.50	1.75	4.25	0.0	0.0	8.93	
248	150248	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	29/09/2010	7.89	7.08	6.29	6.64	6.98	3.50	4.75	2.75	0.0	0.0	9.79	
249	150249	TÔ HOÀNG NHI	Nữ	22/04/2010	6.04	6.24	6.29	6.58	6.29	4.50	5.00	4.25	0.0	0.0	11.51	
250	150250	TÔ YẾN NHI	Nữ	14/06/2010	7.63	7.6	7.09	6.53	7.21	4.75	1.00	4.25	0.0	0.0	9.16	
251	150251	HOÀNG HỒNG NHUNG	Nữ	04/02/2010	7.83	7.89	8.49	8.58	8.2	7.50	5.75	3.25	0.0	0.0	14.01	
252	150252	NGUYỄN THỊ KIM NHUNG	Nữ	02/11/2010	5.11	5.5	5.7	5.99	5.58	3.25	1.75	3.50	0.0	0.0	7.62	
253	150253	DƯƠNG THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	05/03/2010	8.95	8.96	8.48	8.51	8.73	7.25	3.50	4.75	0.0	0.0	13.47	
254	150254	HỒ KHÁNH NHƯ	Nữ	08/05/2010	8.55	9.26	9.21	8.94	8.99	6.75	5.25	7.50	0.0	0.0	16.35	
255	150255	HỒ TUYẾT NHƯ	Nữ	24/11/2010	7.74	7.41	7.3	7	7.36	3.00	3.50	3.00	0.0	0.0	8.86	
256	150256	LÊ NGỌC HỒNG NHƯ	Nữ	01/12/2010	5.99	5.91	5.99	6.56	6.11	5.25	3.50	5.00	0.0	0.0	11.46	
257	150257	LÊ NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	30/05/2010	6.01	6.19	5.93	6.39	6.13	4.00	1.25	4.25	0.0	0.0	8.49	
258	150258	LÊ QUỲNH NHƯ	Nữ	22/03/2010	7.71	7.51	7.15	6.73	7.28	2.75	2.00	2.75	0.0	0.0	7.43	
259	150259	NGÔ HUỲNH NHƯ	Nữ	28/09/2010	7.63	7.58	8	7.95	7.79	5.00	6.50	3.75	0.0	0.0	13.01	
260	150260	NGUYỄN THỊ TÂM NHƯ	Nữ	31/05/2010	6.83	6.98	7.43	7.48	7.18	6.25	4.50	4.50	0.0	0.0	12.83	
261	150261	NGUYỄN TRẦN HUỲNH NHƯ	Nữ	29/01/2010	8.58	8.49	8.53	8.7	8.58	5.75	5.50	5.75	0.0	0.0	14.47	
262	150262	PHẠM HUỲNH TÂM NHƯ	Nữ	15/02/2010	6.66	6.64	7.53	7.05	6.97	2.75	4.25	4.75	0.0	0.0	10.32	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
263	150263	TÓNG LÂM BÌNH NHƯ	Nữ	10/08/2010	8.31	8.58	8.3	8.81	8.5	6.00	7.25	4.25	0.0	0.0	14.80	
264	150264	TRẦN BẢO NHƯ	Nữ	26/12/2010	7.49	8.08	8.13	7.79	7.87	5.25	4.25	6.00	0.0	0.0	13.21	
265	150265	TRẦN NGUYỄN BẢO NHƯ	Nữ	01/07/2010	7.56	7.85	7.81	7.95	7.79	5.50	4.00	3.50	0.0	0.0	11.44	
266	150266	TRẦN THỊ HUỖNH NHƯ	Nữ	16/07/2010	6.9	6.95	7.38	6.75	7	4.00	2.50	3.75	0.0	0.0	9.28	
267	150267	TRƯƠNG THỊ HUỖNH NHƯ	Nữ	15/05/2010	9.14	9.09	9.23	8.9	9.09	6.50	7.00	8.50	0.0	0.0	18.13	
268	150268	VÕ NGỌC BẢO NHƯ	Nữ	10/12/2010	7.18	7.7	7.93	8.18	7.75	5.50	7.75	8.25	0.0	0.0	17.38	
269	150269	HUỖNH MINH NHỰT	Nam	24/11/2010	8.44	8.51	8.54	8.8	8.57	7.25	8.00	8.00	0.0	0.0	18.85	
270	150270	LÊ MINH NHỰT	Nam	10/05/2010	6.36	7.73	7.3	7.66	7.26	6.00	4.75	2.75	0.0	0.0	11.63	
271	150271	LÊ TÂN PHÁT	Nam	09/07/2010	7.98	7.11	7.33	7.28	7.43	4.75	5.75	2.25	0.0	0.0	11.15	
272	150272	NGUYỄN TRƯƠNG TÂN PHÁT	Nam	26/10/2010	6.76	6.91	7.15	7.39	7.05	5.25	8.25	5.75	0.0	0.0	15.59	
273	150273	PHẠM NHỰT PHÁT	Nam	02/05/2010	5.64	5.58	6.14	5.9	5.82	2.50	3.00	3.25	0.0	0.0	7.87	
274	150274	TRẦN NAM PHI	Nam	13/06/2010	5.14	6.16	6.13	6.65	6.02	4.25	3.00	3.75	1.0	0.0	10.51	
275	150275	LÊ HOÀI PHONG	Nam	02/06/2010	7.5	6.75	7.28	7.25	7.2	5.25	4.75	3.75	0.0	0.0	11.79	
276	150276	LÊ MINH PHONG	Nam	17/09/2010	6.99	6.71	6.5	6.61	6.7	1.75	4.00	4.00	0.0	0.0	8.84	
277	150277	NGUYỄN PHẠM NHÃ PHONG	Nam	26/03/2010	7.46	8.11	8.41	8.11	8.02	4.75	8.25	6.75	0.0	0.0	16.23	
278	150278	PHẠM NGỌC THANH PHONG	Nam	29/08/2010	7.94	7.79	7.41	7.48	7.66	6.00	3.25	4.50	0.0	0.0	11.92	
279	150279	PHẠM THANH PHONG	Nam	01/04/2010	6.78	6.55	6.51	6.65	6.62	3.75	4.50	3.50	0.0	0.0	10.21	
280	150280	VÕ HOÀI PHONG	Nam	29/08/2010	6.36	5.6	5.75	5.56	5.82	1.00	0.00	2.00	0.0	0.0	3.85	Liệt
281	150281	DƯƠNG VĂN PHÚ	Nam	08/01/2010	6.4	6.45	7.08	7.4	6.83	4.25	2.25	4.75	0.0	0.0	9.92	
282	150282	LÊ HỒNG PHÚ	Nam	07/11/2010	8.1	8.18	7.74	7.76	7.95	6.00	5.75	5.75	0.0	0.0	14.64	
283	150283	NGUYỄN TRIỆU PHÚ	Nam	03/04/2010	5.59	6.71	6.75	6.38	6.36	4.25	4.50	2.75	0.0	0.0	9.96	
284	150284	TRÀM GIA PHÚ	Nam	09/07/2010	7.53	7.95	8.14	8.2	7.96	7.00	5.75	6.25	0.0	0.0	15.69	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
285	150285	TRẦN ĐẠI PHÚ	Nam	14/08/2010	5.98	6.7	7.1	6.58	6.59	4.50	4.25	4.00	0.0	0.0	10.90	
286	150286	HUỖNH THỊ MỸ PHÚC	Nữ	01/10/2010	7.46	7.68	8.06	8.31	7.88	3.50	6.00	8.25	0.0	0.0	14.79	
287	150287	LÊ BẢO PHÚC	Nam	02/05/2010	6.46	6.21	6.78	6.91	6.59	3.50	4.75	3.75	0.0	0.0	10.38	
288	150288	NGÔ ĐIỂM PHÚC	Nữ	17/10/2010	5.79	5.49	5.35	5.65	5.57	2.00	2.00	3.25	0.0	0.0	6.75	
289	150289	NGUYỄN DUY PHÚC	Nam	10/02/2010	7.75	7.49	7.09	6.8	7.28	4.75	3.25	3.75	0.0	0.0	10.41	
290	150290	NGUYỄN ĐÀO CÔNG PHÚC	Nam	26/03/2010	8.16	7.59	8.15	7.88	7.95	5.25	4.25	4.25	0.0	0.0	12.01	
291	150291	LÊ MINH PHỤNG	Nam	10/03/2010	7.04	7.3	6.76	7.29	7.1	4.25	4.50	5.25	0.0	0.0	11.93	
292	150292	NGUYỄN THỊ NGỌC PHỤNG	Nữ	12/05/2010	6.3	5.8	6.63	6.78	6.38	4.50	1.25	3.00	0.0	0.0	8.04	
293	150293	NGUYỄN THỊ NHƯ PHƯƠNG	Nữ	15/10/2010	7.85	8.31	8.05	7.93	8.04	4.00	3.75	5.75	0.0	0.0	11.86	
294	150294	PHẠM MINH PHƯƠNG	Nam	15/02/2010	7.19	7.05	7.7	7.31	7.31	2.75	4.25	3.50	0.0	0.0	9.54	
295	150295	TRẦN THỊ KIỀU PHƯƠNG	Nữ	24/01/2010	7.81	7.23	6.76	6.89	7.17	3.50	1.25	4.00	0.0	0.0	8.28	
296	150296	VÕ THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	16/08/2010	6.7	6.66	6.31	6.54	6.55	2.25	0.50	3.75	0.0	0.0	6.52	Liệt
297	150297	VÕ NGUYỄN HỒNG PHƯỚC	Nam	16/09/2010	6.63	6.39	6.46	6.4	6.47	4.00	3.25	4.25	0.0	0.0	9.99	
298	150298	ĐỖ NHẬT QUANG	Nam	28/05/2010	7.08	7.4	6.38	6.96	6.96	4.75	3.00	3.25	0.0	0.0	9.79	
299	150299	NGUYỄN NGỌC ANH QUANG	Nam	13/09/2010	6.55	6.51	6.99	7.16	6.8	4.25	4.25	6.75	0.0	0.0	12.72	
300	150300	TRẦN KHẢI HOÀNG QUÂN	Nam	14/12/2009	5.65	5.55	5.43	6.34	5.74	3.50	4.00	2.75	0.0	0.0	8.90	
301	150301	NGUYỄN ĐỨC ANH QUI	Nam	30/11/2010	7.44	7.13	6.66	6.89	7.03	4.58	4.75	5.00	0.0	0.0	12.14	
302	150302	HUỖNH VĂN QUÍ	Nam	19/10/2010	5.53	6.05	6.24	6.51	6.08	3.50	4.50	4.25	0.0	0.0	10.40	
303	150303	NGUYỄN NGỌC QUÍ	Nữ	15/07/2010	7	7.28	6.51	6.45	6.81	2.50	0.25	3.00	0.0	0.0	6.07	Liệt
304	150304	NGÔ THANH QUYÊN	Nữ	01/07/2010	6.8	7.33	7.11	6.64	6.97	5.50	2.75	3.75	0.0	0.0	10.49	
305	150305	NGUYỄN THỊ THÚY QUYÊN	Nữ	29/06/2010	6.33	6.69	7.19	6.86	6.77	5.75	2.50	3.00	1.0	0.0	10.91	
306	150306	PHẠM TÚ QUYÊN	Nữ	29/11/2010	8.73	8.78	8.29	8.31	8.53	6.25	5.00	3.50	0.0	0.0	12.88	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
307	150307	TRƯƠNG THỊ HỒNG QUYÊN	Nữ	25/10/2010	6.98	6.29	6.71	6.93	6.73	2.50	3.50	3.75	0.0	0.0	8.84	
308	150308	NGÔ QUYÊN	Nam	08/07/2010	6.55	7.03	7.11	7.15	6.96	3.50	3.25	6.25	0.0	0.0	11.19	
309	150309	PHAN THỊ NGỌC QUYÊN	Nữ	08/01/2010	6.74	7.75	7.79	7.79	7.52	5.25	3.25	4.75	0.0	0.0	11.53	
310	150310	BÙI YẾN QUỲNH	Nữ	02/08/2010	7.26	7.35	7.19	6.83	7.16	2.25	3.25	3.00	0.0	0.0	8.10	
311	150311	LÊ ĐIỂM QUỲNH	Nữ	17/11/2010	8.5	7.74	7.49	7.55	7.82	3.75	6.25	8.00	0.0	0.0	14.95	
312	150312	LÊ THỊ TÚ QUỲNH	Nữ	05/03/2010	6.59	7.16	6.64	6.59	6.75	4.50	2.00	4.25	0.0	0.0	9.55	
313	150313	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	Nữ	25/03/2010	7.1	7.33	6.98	6.96	7.09	6.25	2.25	5.00	0.0	0.0	11.58	
314	150314	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	11/08/2010	9.13	8.94	8.94	9.11	9.03	7.42	6.00	8.50	0.0	0.0	18.05	
315	150315	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	18/06/2010	8.74	9.09	8.7	8.54	8.77	6.75	6.00	5.75	0.0	0.0	15.58	
316	150316	TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	07/05/2010	6.66	7.65	7.34	7.3	7.24	2.00	0.50	4.50	0.0	0.0	7.07	Liệt
317	150317	LÂM PHƯỚC SANG	Nam	06/06/2010	6.6	6.63	6.58	6.28	6.52	4.50	0.75	4.50	0.0	0.0	8.78	Liệt
318	150318	LÊ TRỌNG SANG	Nam	26/05/2010	6.88	5.9	6.21	6.31	6.33	2.75	2.00	3.25	0.0	0.0	7.50	
319	150319	NGUYỄN THANH SANG	Nam	13/01/2010	7.26	7.88	7.31	7.08	7.38	5.00	3.50	5.75	0.0	0.0	12.19	
320	150320	TRẦN THANH SANG	Nam	05/06/2010	7.13	6.31	6.98	6.45	6.72	4.00	6.50	6.00	0.0	0.0	13.57	
321	150321	VÕ THÀNH SANG	Nam	21/01/2010	7.39	8.44	8.53	8.53	8.22	6.25	7.00	5.00	0.0	0.0	15.24	
322	150322	DƯƠNG VĂN SƠN	Nam	05/09/2010	5.25	5.08	5.73	5.84	5.48	1.50	1.50	3.75	0.0	0.0	6.37	
323	150323	HÀ THỊ HOÀI TÂM	Nữ	12/05/2010	8.79	9.26	9.2	8.93	9.05	6.42	6.25	6.50	0.0	0.0	16.13	
324	150324	HUỲNH THANH TÂM	Nam	13/06/2010	5.96	5.8	5.99	6.44	6.05	2.25	1.75	4.00	0.0	0.0	7.42	
325	150325	NGÔ MINH TÂN	Nam	16/10/2010	5.7	6.7	6.33	7	6.43	4.25	4.25	4.00	0.0	0.0	10.68	
326	150326	NGUYỄN DUY TÂN	Nam	20/10/2010	8.51	7.49	7.24	7.63	7.72	7.00	4.50	5.50	0.0	0.0	14.22	
327	150327	NGUYỄN THANH TÂN	Nam	30/03/2010	7.94	8.23	8.46	9.11	8.44	7.50	6.25	5.75	0.0	1.0	17.18	
328	150328	NGUYỄN THÀNH TÂN	Nam	18/05/2010	7.69	7.96	7.45	7.78	7.72	3.75	4.00	5.00	0.0	0.0	11.24	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
329	150329	NGUYỄN QUANG TẤN	Nam	31/03/2010	6.85	7.04	7.2	6.81	6.98	4.00	3.50	7.00	0.0	0.0	12.24	
330	150330	NGUYỄN HOÀNG THIÊN THANH	Nữ	03/05/2010	6.95	7.71	7.11	7.21	7.25	6.50	4.50	5.00	0.0	0.0	13.38	
331	150331	NGUYỄN CHÍ THÀNH	Nam	15/03/2010	6.54	7	6.36	6.41	6.58	3.50	2.75	4.50	0.0	0.0	9.50	
332	150332	NGUYỄN MINH THÀNH	Nam	12/04/2010	8.35	8.79	8.51	8.63	8.57	5.00	5.00	4.00	0.0	0.0	12.37	
333	150333	DƯƠNG QUỐC THÁI	Nam	18/01/2010	7.11	8.38	7.76	7.5	7.69	4.00	5.50	4.00	0.0	0.0	11.76	
334	150334	HUỲNH DƯƠNG DUY THÁI	Nam	01/02/2010	5.18	6.26	6.84	6.54	6.21	5.00	1.50	5.25	0.0	0.0	10.09	
335	150335	LÊ QUANG THÁI	Nam	28/08/2010	6.51	7.15	7.83	7.3	7.2	6.50	5.75	7.50	0.0	0.0	15.99	
336	150336	TRẦN THỊ ANH THÁI	Nữ	06/03/2010	6.96	6.49	6.24	6.4	6.52	3.75	1.50	4.00	1.0	0.0	9.43	
337	150337	CAO MINH THẢO	Nam	15/01/2010	5.73	6.01	5.86	5.89	5.87	3.50	0.00	4.00	0.0	0.0	7.01	Liệt
338	150338	DƯƠNG NGỌC LAN THẢO	Nữ	27/02/2010	7.04	7.41	7.28	7.76	7.37	4.50	3.75	4.75	0.0	0.0	11.31	
339	150339	HỒ THỊ DIỆU THẢO	Nữ	12/10/2010	8.46	8.63	8.28	7.81	8.3	4.50	2.50	3.25	0.0	0.0	9.67	
340	150340	HỒ THỊ THANH THẢO	Nữ	27/03/2010	6.59	6.36	6.64	6.19	6.45	2.75	3.00	2.25	0.0	0.0	7.54	
341	150341	NGUYỄN DẠ THẢO	Nữ	28/06/2010	6.55	7.88	8.31	8.11	7.71	5.75	3.75	6.00	0.0	0.0	13.16	
342	150342	PHẠM THỊ THU THẢO	Nữ	22/10/2010	5.95	7.16	6.98	7.14	6.81	2.50	2.50	4.00	1.0	0.0	9.34	
343	150343	TRẦN HUỲNH THANH THẢO	Nữ	20/09/2010	8.01	8.3	8.29	8.29	8.22	5.25	5.00	7.75	0.0	0.0	15.07	
344	150344	DƯƠNG THỊ NGỌC THẨM	Nữ	01/11/2010	9.04	9.18	9.11	9.46	9.2	5.75	6.50	7.75	0.0	0.0	16.76	
345	150345	NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM	Nữ	18/06/2010	6.8	6.28	6.59	6.71	6.6	3.50	2.75	3.50	0.0	0.0	8.81	
346	150346	NGUYỄN MẠNH THẮNG	Nam	25/05/2010	8.5	8.24	8.36	9.2	8.58	6.00	7.25	8.25	0.0	0.0	17.62	
347	150347	PHAN VĂN THẮNG	Nam	03/02/2010	7.68	7.18	7.16	6.58	7.15	4.00	4.25	6.50	0.0	0.0	12.47	
348	150348	NGUYỄN THỊ MINH THI	Nữ	20/09/2010	6.34	6.79	7.16	6.81	6.78	3.50	3.50	4.25	0.0	0.0	9.91	
349	150349	NGUYỄN CAO THIÊN	Nam	29/10/2010	6.66	7.09	7.54	8	7.32	4.00	6.00	4.00	0.0	0.0	12.00	
350	150350	TRẦN THẾ THIÊN	Nam	10/01/2010	6.36	6.34	6.28	5.81	6.2	3.75	3.50	2.50	0.0	0.0	8.69	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
351	150351	NGUYỄN KHANG THỊNH	Nam	25/02/2010	7.55	8.38	7.79	8.25	7.99	4.75	5.25	8.50	0.0	0.0	15.35	
352	150352	NGUYỄN QUỐC THỊNH	Nam	04/04/2010	5.96	5.83	6.73	6.49	6.25	2.75	4.00	3.50	0.0	0.0	9.05	
353	150353	NGUYỄN QUỐC THỊNH	Nam	12/10/2010	5.68	5.3	5.11	5.13	5.31	1.50	0.00	3.00	0.0	0.0	4.74	Liệt
354	150354	VÕ HUỠNH KIM THƠM	Nữ	06/05/2010	5.56	5.66	6.13	5.68	5.76	4.00	1.75	3.25	0.0	0.0	8.03	
355	150355	LÊ THỊ THUẬN	Nữ	07/07/2010	8.6	8.28	8.26	7.89	8.26	5.00	7.00	6.25	0.0	0.0	15.25	
356	150356	NGUYỄN HỮU THUẬN	Nam	19/03/2010	6.6	7.26	6.91	6.86	6.91	4.00	7.00	4.75	0.0	0.0	13.10	
357	150357	NGUYỄN THỊ NGỌC THUYỀN	Nữ	09/09/2010	7.86	7.38	6.73	7.38	7.34	6.75	2.50	4.50	0.0	0.0	11.83	
358	150358	NGUYỄN THỊ KIM THÙY	Nữ	02/10/2010	7.3	7.85	7.85	7.63	7.66	4.50	3.50	4.00	0.0	0.0	10.70	
359	150359	NGUYỄN HỒNG NHƯ THÙY	Nữ	07/04/2010	8.73	9.31	9.31	9.24	9.15	7.50	5.50	8.00	0.0	0.0	17.45	
360	150360	CAO MINH THƯ	Nữ	20/10/2010	8.1	8.25	8.03	8.35	8.18	5.00	5.50	7.50	0.0	0.0	15.05	
361	150361	HUỠNH THỊ ANH THƯ	Nữ	13/04/2010	6.53	7.74	7.41	7.23	7.23	1.50	3.50	2.75	0.0	0.0	7.59	
362	150362	NGUYỄN ĐÀO ANH THƯ	Nữ	08/02/2010	6.75	6.46	6.85	7.16	6.81	4.75	5.00	8.75	0.0	0.0	14.99	
363	150363	NGUYỄN HOÀNG MINH THƯ	Nữ	08/09/2010	7.05	6.93	6.74	6.58	6.83	3.25	2.75	2.50	0.0	0.0	8.00	
364	150364	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	Nữ	19/09/2010	6.48	6.71	6.69	6.61	6.62	4.50	3.00	3.00	0.0	0.0	9.34	
365	150365	NGUYỄN NGỌC SONG THƯ	Nữ	28/08/2010	6.05	6.5	6.94	6.8	6.57	5.25	2.50	5.75	0.0	0.0	11.42	
366	150366	NGUYỄN THỊ THANH THƯ	Nữ	17/05/2010	5.94	7.26	6.66	6.58	6.61	5.00	1.50	2.25	0.0	0.0	8.11	
367	150367	QUÁCH NGUYỄN TÂM THƯ	Nữ	13/01/2010	8.08	8.71	8.54	8.54	8.47	6.75	4.50	7.00	0.0	0.0	15.32	
368	150368	QUÁCH THỊ ANH THƯ	Nữ	30/06/2010	7.89	7.13	7.61	7.41	7.51	3.75	0.50	2.75	0.0	0.0	7.15	Liệt
369	150369	TRẦN MINH THƯ	Nữ	27/09/2010	6.89	6.53	6.81	6.35	6.65	3.75	1.25	3.25	0.0	0.0	7.77	
370	150370	TRẦN NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	02/06/2010	9.06	8.49	8.33	8.8	8.67	5.75	4.50	6.75	0.0	0.0	14.50	
371	150371	VÕ THỊ MINH THƯ	Nữ	02/03/2010	6.9	7.1	7.51	7.65	7.29	3.00	4.00	3.00	0.0	0.0	9.19	
372	150372	NGUYỄN ĐĂNG HOÀI THƯƠNG	Nữ	16/08/2010	6.71	6.86	7.35	6.91	6.96	5.25	2.25	2.75	0.0	0.0	9.26	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
373	150373	NGUYỄN BẢO THY	Nữ	28/09/2010	8.23	8.43	8.5	8.56	8.43	5.50	7.50	5.50	0.0	0.0	15.48	
374	150374	NGUYỄN HUỲNH BẢO THY	Nữ	05/08/2009	8.5	8.4	8.2	7.73	8.21	6.00	5.50	5.25	0.0	0.0	14.19	
375	150375	NGUYỄN NGỌC BẢO THY	Nữ	04/12/2010	6.98	7.03	7.79	8.08	7.47	4.25	5.25	5.75	0.0	0.0	12.92	
376	150376	NGUYỄN SONG ANH THY	Nữ	02/12/2010	8.3	8.59	8.7	8.66	8.56	5.00	6.50	6.00	0.0	0.0	14.82	
377	150377	VÕ THỊ ANH THY	Nữ	10/08/2010	7.86	7.85	7.29	6.86	7.47	2.50	2.50	4.25	0.0	0.0	8.72	
378	150378	HUỲNH THỊ MỸ TIỀN	Nữ	29/03/2010	7.65	6.23	6.64	6.53	6.76	3.25	3.50	3.25	0.0	0.0	9.03	
379	150379	LƯU THỊ THÙY TIỀN	Nữ	20/09/2010	8.75	7.61	7.8	8.16	8.08	6.50	4.50	6.75	0.0	0.0	14.85	
380	150380	NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN	Nữ	25/11/2010	8.64	7.88	8.38	8.21	8.28	4.50	3.25	4.25	0.0	0.0	10.88	
381	150381	LÊ KIM TIỀN	Nữ	14/09/2010	7.19	7.31	7.59	6.96	7.26	3.25	1.75	6.00	0.0	0.0	9.88	
382	150382	PHẠM THỊ KIM TIỀN	Nữ	28/04/2010	7.56	7.66	7.3	7.48	7.5	5.75	5.50	5.25	0.0	0.0	13.80	
383	150383	VÕ THỊ THANH TIỀN	Nữ	06/10/2010	7.03	7.98	7.54	7.58	7.53	6.00	5.00	5.75	0.0	0.0	13.98	
384	150384	ĐỖ MINH TIỀN	Nam	20/09/2010	6.31	6.36	6.51	6.35	6.38	5.00	4.50	3.00	0.0	0.0	10.66	
385	150385	NGUYỄN HOÀNG TÍN	Nam	15/11/2010	6.5	7.99	7.18	6.76	7.11	4.00	3.50	2.25	0.0	0.0	8.96	
386	150386	NGUYỄN TRUNG TÍN	Nam	04/05/2010	7.43	6.34	6.48	6.4	6.66	2.50	4.50	3.75	0.0	0.0	9.52	
387	150387	HUỲNH BẢO TOÀN	Nam	22/05/2010	5.74	5.71	6.05	6.1	5.9	4.50	3.75	3.50	0.0	0.0	10.00	
388	150388	ĐOÀN THỊ MAI TRANG	Nữ	18/06/2010	7.76	7.69	7.56	8.11	7.78	6.50	4.00	4.00	0.0	0.0	12.48	
389	150389	NGUYỄN ĐOAN TRANG	Nữ	27/11/2010	6.38	6.53	7.16	7.53	6.9	5.50	3.00	3.75	0.0	0.0	10.65	
390	150390	TRỊNH THỊ THÙY TRANG	Nữ	22/09/2010	6.55	6.76	7.05	7.13	6.87	4.75	4.75	3.50	0.0	0.0	11.16	
391	150391	NGUYỄN THỊ HUẾ TRÂM	Nữ	20/01/2010	7.51	6.9	7.36	7.03	7.2	4.00	3.50	3.75	0.0	0.0	10.04	
392	150392	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	15/01/2010	7.96	8.39	8.48	8.55	8.35	6.50	5.75	6.00	0.0	0.0	15.28	
393	150393	NGUYỄN BẢO TRÂN	Nữ	14/08/2010	7.46	7.44	7.71	7.44	7.51	3.00	2.25	3.75	0.0	0.0	8.55	
394	150394	NGUYỄN THỊ QUẾ TRÂN	Nữ	30/12/2010	6.43	6.23	6.6	6.18	6.36	2.00	3.00	3.00	0.0	0.0	7.51	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
395	150395	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRÂN	Nữ	27/11/2010	6.51	6.96	8.01	7.96	7.36	5.75	7.50	4.25	0.0	0.0	14.46	
396	150396	NGUYỄN VÕ HUẾ TRÂN	Nữ	19/04/2010	6.33	7.08	6.93	6.66	6.75	4.00	2.50	4.00	0.0	0.0	9.38	
397	150397	DƯƠNG THỊ LỆ TRINH	Nữ	11/02/2010	5.44	6.44	6.76	6.25	6.22	2.75	0.50	3.50	0.0	0.0	6.59	Liệt
398	150398	LÊ NGUYỄN TÚ TRINH	Nữ	25/11/2010	7.18	6.19	6.45	6.34	6.54	2.00	2.50	3.50	0.0	0.0	7.56	
399	150399	TRẦN NGỌC TRINH	Nữ	10/10/2010	7.79	7.39	7.23	6.81	7.31	5.00	2.00	4.25	0.0	0.0	10.07	
400	150400	TRẦN NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG TRINH	Nữ	21/04/2010	6.35	6.7	6.8	6.99	6.71	3.50	2.50	3.25	0.0	0.0	8.49	
401	150401	LÊ MINH TRÍ	Nam	27/01/2010	7.99	7.94	8.19	8.6	8.18	5.67	5.00	5.00	0.0	0.0	13.42	
402	150402	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	Nam	01/01/2010	6.8	6.75	7.18	6.88	6.9	3.75	4.00	4.25	0.0	0.0	10.47	
403	150403	CAO PHƯỚC TRỌNG	Nam	06/01/2010	6.44	5.9	6.28	6.38	6.25	4.00	3.50	3.75	0.0	0.0	9.75	
404	150404	NGÔ MINH TRỌNG	Nam	20/07/2010	7.98	6.29	6.83	6.63	6.93	2.00	6.25	5.50	0.0	0.0	11.70	
405	150405	NGUYỄN HOÀNG TRỌNG	Nam	04/11/2010	6.51	5.89	6.01	6.6	6.25	2.00	2.50	2.75	0.0	0.0	6.95	
406	150406	ĐÀO THỊ ÁNH TRÚC	Nữ	03/03/2010	8.59	8	8.55	8.09	8.31	6.00	6.00	8.25	0.0	0.0	16.67	
407	150407	ĐẶNG THANH TRÚC	Nữ	01/06/2010	7.93	8.49	8.88	8.93	8.56	7.25	7.25	6.75	0.0	0.0	17.44	
408	150408	LÊ NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	07/09/2010	6.66	7.11	7.1	6.53	6.85	3.00	1.50	1.00	0.0	0.0	5.91	
409	150409	LÊ THỊ THANH TRÚC	Nữ	22/04/2010	6.96	6.89	7.84	7.96	7.41	6.50	5.25	4.25	0.0	0.0	13.42	
410	150410	NGUYỄN HOÀNG THANH TRÚC	Nữ	17/12/2010	8.65	8.2	7.44	7.1	7.85	4.50	2.25	5.50	0.0	0.0	10.93	
411	150411	NGUYỄN THỊ HỒNG TRÚC	Nữ	12/11/2010	6.15	6.63	6.4	6.43	6.4	4.25	2.25	3.50	0.0	0.0	8.92	
412	150412	PHẠM THỊ THANH TRÚC	Nữ	14/10/2010	6.56	6.05	6.3	5.84	6.19	5.25	2.25	4.25	0.0	0.0	10.08	
413	150413	TRẦN THỊ KIM TRÚC	Nữ	17/10/2010	8.56	8.55	8.15	8.31	8.39	6.00	5.50	4.25	0.0	0.0	13.54	
414	150414	HỒ KHÁNH TRƯỜNG	Nam	07/05/2010	5.75	5.89	6.76	6.41	6.2	4.00	3.25	4.25	0.0	0.0	9.91	
415	150415	LÊ ĐÌNH PHAN MẠNH TRƯỜNG	Nam	29/10/2010	6.96	6.85	7.48	7.36	7.16	3.50	2.75	2.00	0.0	0.0	7.92	
416	150416	NGUY QUANG TRƯỜNG	Nam	28/05/2010	6.64	6.59	7.13	6.83	6.8	5.00	4.75	8.00	0.0	0.0	14.47	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U'T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
417	150417	NGUYỄN TRUNG TRỰC	Nam	11/03/2010	6.39	7.09	6.38	6.48	6.59	3.25	4.25	4.25	0.0	0.0	10.20	
418	150418	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	Nam	14/03/2010	6.6	6.56	7.25	7.26	6.92	4.00	4.75	6.00	0.0	0.0	12.40	
419	150419	NGUYỄN NGỌC TUYỀN	Nữ	14/05/2010	6.88	8.16	7.93	7.75	7.68	5.25	5.50	4.00	0.0	0.0	12.63	
420	150420	TRẦN THANH TÙNG	Nam	04/10/2010	6.61	6.65	6.71	6.25	6.56	2.50	4.00	4.25	0.0	0.0	9.49	
421	150421	NGUYỄN THỊ ANH TÚ	Nữ	01/02/2010	8.21	7.86	7.91	7.53	7.88	6.25	4.75	5.25	0.0	0.0	13.74	
422	150422	HUỲNH NGỌC CÁT TƯỜNG	Nữ	11/12/2010	8.44	7.5	7.25	7.51	7.68	2.75	4.25	4.75	0.0	0.0	10.53	
423	150423	LÊ TRƯỞNG CÁT TƯỜNG	Nữ	28/08/2010	8.75	9.3	8.9	8.63	8.9	8.00	5.50	6.00	0.0	0.0	16.32	
424	150424	TRÀ MINH TƯỜNG	Nam	01/09/2010	7.8	7.25	6.28	6.35	6.92	2.75	3.25	3.50	0.0	0.0	8.73	
425	150425	NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN	Nữ	19/06/2010	6.04	5.61	5.8	5.7	5.79	3.00	2.25	4.50	0.0	0.0	8.56	
426	150426	VÕ ĐẶNG TƯỜNG VÂN	Nữ	03/01/2010	8.55	8.88	8.99	9.28	8.93	7.25	6.75	9.50	0.0	0.0	19.13	
427	150427	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG VI	Nữ	25/05/2010	7.66	7.53	7.44	7.34	7.49	4.75	6.00	6.25	0.0	0.0	14.15	
428	150428	HOÀNG QUỐC VIỆT	Nam	19/09/2010	7.09	6.55	5.56	5.74	6.24	3.75	2.25	4.00	0.0	0.0	8.87	
429	150429	LÊ QUANG VINH	Nam	10/12/2010	5.03	5.34	5.48	5.66	5.38	1.75	3.00	5.00	0.0	0.0	8.44	
430	150430	NGUYỄN QUANG VINH	Nam	23/09/2010	7.64	7.04	6.75	6.45	6.97	6.25	2.50	4.75	0.0	0.0	11.54	
431	150431	NGUYỄN HÙNG VĨ	Nam	10/05/2010	5.78	7.34	7.78	7.05	6.99	4.25	3.50	3.75	0.0	0.0	10.15	
432	150432	ĐẶNG NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	22/07/2010	7.46	7.81	7.99	7.23	7.62	5.25	3.50	5.50	0.0	0.0	12.26	
433	150433	ĐỒNG THỊ TƯỜNG VY	Nữ	04/02/2010	7.41	7.15	7.54	7.89	7.5	6.25	4.50	3.00	0.0	0.0	11.88	
434	150434	HOÀNG TRẦN THÚY VY	Nữ	13/11/2010	7.59	7.28	7.35	7.93	7.54	4.50	4.00	4.75	0.0	0.0	11.54	
435	150435	HỒ THẢO VY	Nữ	15/10/2009	8.8	8.59	8.11	8.65	8.54	5.00	4.00	8.25	0.0	0.0	14.64	
436	150436	HUỲNH THỊ TƯỜNG VY	Nữ	14/02/2010	7.85	9.13	8.59	8.83	8.6	6.75	6.00	7.75	0.0	1.0	17.93	
437	150437	LÂM KHÁNH VY	Nữ	05/03/2010	6.13	7.25	8	8.55	7.48	5.25	6.25	7.75	0.0	0.0	15.72	
438	150438	LÝ THỊ TƯỜNG VY	Nữ	17/10/2010	6.84	7.53	8.09	7.19	7.41	4.00	3.25	3.75	0.0	0.0	9.92	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
439	150439	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG VY	Nữ	03/11/2010	7.35	7.03	6.94	7.23	7.14	5.25	4.50	4.25	0.0	0.0	11.94	
440	150440	NGUYỄN LÊ THANH VY	Nữ	05/05/2010	7.99	7.58	7.99	7.68	7.81	5.50	3.75	3.50	0.0	0.0	11.27	
441	150441	NGUYỄN LÊ YẾN VY	Nữ	15/03/2010	8.6	9.39	9.29	9.11	9.1	7.50	8.25	8.00	0.0	0.0	19.36	
442	150442	NGUYỄN NGỌC THẢO VY	Nữ	12/06/2010	6.43	6.98	7.33	7.15	6.97	3.50	3.75	3.00	0.0	0.0	9.27	
443	150443	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	12/07/2010	5.51	5.56	5.89	5.88	5.71	4.25	0.00	3.25	0.0	0.0	6.96	Liệt
444	150444	NGUYỄN THẢO VY	Nữ	17/12/2010	6.9	7.09	6.94	6.53	6.87	3.25	2.50	3.25	0.0	0.0	8.36	
445	150445	NGUYỄN THỊ THẢO VY	Nữ	08/03/2010	8.58	8.76	8.71	9.1	8.79	5.50	7.00	6.00	0.0	0.0	15.59	
446	150446	NGUYỄN THỊ THẢO VY	Nữ	16/11/2010	8.85	9.25	9.15	8.83	9.02	6.75	7.25	6.00	0.0	0.0	16.71	
447	150447	NGUYỄN THỊ THÚY VY	Nữ	26/11/2009	5.8	5.4	5.76	5	5.49	1.75	2.00	2.25	0.0	0.0	5.85	
448	150448	NGUYỄN TRẦN THẢO VY	Nữ	29/08/2010	6.36	7.15	7.26	7.13	6.98	3.75	3.50	4.25	0.0	0.0	10.14	
449	150449	PHAN NGUYỄN THANH VY	Nữ	15/07/2010	7.2	7.5	7.71	8.05	7.62	6.00	6.00	4.75	0.0	0.0	14.01	
450	150450	PHAN NHẬT VY	Nữ	16/10/2010	7.69	7.74	7.05	7.39	7.47	3.75	5.25	6.25	0.0	0.0	12.92	
451	150451	PHAN THỊ THẢO VY	Nữ	08/11/2010	6.1	6.61	6.95	6.95	6.65	2.75	1.25	2.00	0.0	0.0	6.20	
452	150452	PHẠM KHẢ VY	Nữ	02/08/2010	8.16	8.64	8.51	8.2	8.38	6.50	5.50	4.75	0.0	0.0	14.24	
453	150453	PHẠM THỊ TUYẾT VY	Nữ	19/01/2010	8.34	8.49	8.2	7.9	8.23	7.00	5.75	4.25	0.0	0.0	14.37	
454	150454	PHẠM YẾN VY	Nữ	20/04/2010	5.18	5.61	6.41	6.63	5.96	4.75	3.25	2.00	0.0	0.0	8.79	
455	150455	PHÙNG TRIỆU VY	Nữ	16/01/2010	6.96	7.14	7.34	7.88	7.33	5.00	4.25	7.00	0.0	0.0	13.57	
456	150456	TRẦN HỒNG HẢI VY	Nữ	22/04/2010	7.35	7.38	7.36	7.74	7.46	5.50	4.00	4.00	0.0	0.0	11.69	
457	150457	TRẦN THANH VY	Nữ	17/05/2010	7.18	6.84	7.18	7.65	7.21	6.00	4.00	6.75	0.0	0.0	13.89	
458	150458	TRẦN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	23/05/2010	8.63	8.93	8.1	8.38	8.51	5.17	5.00	6.75	0.0	0.0	14.40	
459	150459	TRỊNH LÊ TƯỜNG VY	Nữ	16/12/2010	7.55	7.81	8.13	8.14	7.91	5.25	5.75	5.25	0.0	0.0	13.75	
460	150460	TRỊNH TRƯỞNG THÚY VY	Nữ	07/06/2010	7.54	8.15	7.75	7.74	7.8	4.75	4.75	2.00	0.0	0.0	10.39	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
461	150461	TRƯƠNG KHÁNH VY	Nữ	15/01/2010	6.99	7.5	7.68	7.83	7.5	4.75	5.00	6.50	0.0	0.0	13.63	
462	150462	TRƯƠNG THỊ TƯỜNG VY	Nữ	10/04/2010	6.79	6.61	7.05	8.24	7.17	7.25	6.50	5.25	0.0	0.0	15.45	
463	150463	LÊ TRỌNG VỸ	Nam	30/01/2010	5.39	6.24	6.58	6.8	6.25	3.25	4.25	2.75	0.0	0.0	9.05	
464	150464	TRIỆU NGUYỄN TẤN VỸ	Nam	28/09/2010	6.75	6.75	7.09	7.88	7.12	3.50	7.50	7.00	0.0	0.0	14.74	
465	150465	VÕ THỊ TRÚC XINH	Nữ	21/01/2010	9.03	8.51	8.56	8.18	8.57	6.25	4.25	3.75	0.0	0.0	12.55	
466	150466	TRẦN ĐÀO HẢI YẾN	Nữ	31/08/2010	8.46	8.78	7.9	7.84	8.25	6.25	4.75	7.00	0.0	0.0	15.08	
467	150467	TRẦN THỊ BẢO YẾN	Nữ	10/07/2010	7.71	8.54	8.55	8.45	8.31	3.00	6.25	4.75	0.0	0.0	12.29	
468	150468	ĐỒNG NHƯ Ý	Nữ	10/12/2010	7.13	6.81	6.84	7.23	7	3.75	5.50	4.25	0.0	0.0	11.55	
469	150469	GIÁP THỊ NHƯ Ý	Nữ	26/09/2010	8.53	8.39	8.59	8.38	8.47	5.75	6.00	3.75	0.0	0.0	13.39	
470	150470	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	28/03/2010	7.88	7.64	7.7	7.2	7.61	3.75	4.25	7.00	0.0	0.0	12.78	
471	150471	PHAN HÀ NHƯ Ý	Nữ	30/05/2010	7.21	7.7	7.7	7.98	7.65	6.00	4.75	7.75	0.0	0.0	15.25	
472	150472	PHAN VĂN Ý	Nam	01/07/2010	6.29	6.68	6.33	6.16	6.37	2.25	2.50	2.75	0.0	0.0	7.16	
473	150473	VĂN THỊ Ý	Nữ	08/02/2007	7.14	7.04	7.04	7.33	7.14	4.50	5.50	4.00	0.0	0.0	11.94	

Danh sách này có 473 thí sinh/

Cán bộ in



Trần Ngọc Linh

Cán bộ soát điểm



Võ Thùy Trang

Tây Ninh, ngày 14 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



(Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phan Minh Tùng